

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2022/DS-PT  
Ngày 30-12-2022  
V/v Tranh chấp hợp đồng  
vay tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Minh Thùy;

*Các Thẩm phán:* Ông Cao Đức Chiến;

Bà Nguyễn Thị Hoa.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Hải Đăng, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn:** Bà Hoàng Thanh Huyền, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 30 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn mở phiên tòa, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 72/2022/TLPT-DS, ngày 08 tháng 11 năm 2022 về Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 26/2022/DS-ST ngày 12-9-2022 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 80/2022/QĐ-PT ngày 01-12-2022 và Thông báo sửa chữa quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 505/TB-TA ngày 14-12-2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 109/2022/QĐ-PT ngày 16-12-2022; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Đặng Thị T, sinh năm 1967; địa chỉ cư trú: Số \*\*, Phố M, phường T, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

*Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* Ông Mạc Văn H; địa chỉ: Số \*\*, đường H, xã M, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn (theo Giấy ủy quyền lập ngày 13-4-2022), có mặt.

*Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:* Ông Chu Văn T, Luật sư Công ty TNHH MTV Luật G; địa chỉ: Số \*\*, đường H, xã M, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Phan Tiến D, sinh năm 1961; địa chỉ cư trú: Tổ \*, khối \*, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Lý Thị Q, sinh năm 1963; địa chỉ cư trú: Tổ \*, khối \*, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

- *Người kháng cáo:* Ông Phan Tiến D là bị đơn.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và Bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bà Đặng Thị T khởi kiện yêu cầu ông Phan Tiến D trả bà 40.950.000 đồng nợ gốc và 7.137.585 đồng nợ lãi vì: Ngày 07-9-2018, bà cho ông Phan Tiến D vay 23.450.000 đồng với thời hạn vay là 30 ngày, được thể hiện tại Giấy vay tiền có chữ viết và chữ ký cùng tên của ông Phan Tiến D và vợ là bà Lý Thị Q. Sau đó, bà còn cho vợ chồng ông Phan Tiến D vay tiền nhiều lần, cứ vay lại trả nên không ghi chép lại từng lần; ngày 22-11-2018 trả được 3.000.000 đồng; ngày 16-12-2018 trả được 3.500.000 đồng. Ngày 30-6-2019 ông Phan Tiến D và bà đã chốt số nợ, ông Phan Tiến D đã viết giấy chốt nợ có nội dung *“Tôi Phan Tiến D còn nợ cô Thảo tổng là 40.950đ. Bốn mươi triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng”*; nội dung chốt nợ này được viết tại mặt sau của Giấy vay tiền đề ngày 07-9-2018.

Từ khi chốt nợ đến nay, bà đã nhiều lần yêu cầu ông Phan Tiến D trả nợ nhưng ông Phan Tiến D không trả mà còn chửi, dọa bà. Vì vậy, bà Đặng Thị T khởi kiện yêu cầu ông Phan Tiến D có trách nhiệm trả bà 40.950.000 đồng nợ gốc và 7.137.585 đồng nợ lãi (kể từ khi chốt nợ đến ngày khởi kiện). Tại phiên tòa sơ thẩm, bà Đặng Thị T rút yêu cầu đòi trả lãi, giữ nguyên yêu cầu đòi nợ gốc là 40.950.000 đồng.

Bị đơn ông Phan Tiến D trình bày: Thực tế ông không vay tiền bà Đặng Thị T, việc vay tiền bà Đặng Thị T là do vợ ông là bà Lý Thị Q và bà Đặng Thị T tự trao đổi, giao nhận tiền với nhau. Vào khoảng tháng 9-2018, ông được bà Lý Thị Q gọi đến gặp bà Đặng Thị T để viết và ký giấy vay bà Đặng Thị T số tiền 20.000.000 đồng, bà Lý Thị Q là người trực tiếp nhận tiền và sử dụng tiền. Bà Lý Thị Q thanh toán nợ cho bà Đặng Thị T như thế nào thì ông không biết, ông chỉ nhớ được đưa bà Lý Thị Q đến gặp bà Đặng Thị T khoảng 02 đến 03 lần để trả nợ, còn trả bao nhiêu tiền thì ông không biết. Sau khi viết giấy vay tiền một thời gian khá dài, ông còn được viết giấy chốt nợ với bà Đặng Thị T nhưng nội dung như thế nào thì ông không nhớ. Nay ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị T vì bà Lý Thị Q nói đã trả bà Đặng Thị T hết nợ.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lý Thị Q trình bày: Khoảng tháng 9-2018, bà Đặng Thị T có mời bà mua bảo hiểm. Do bà không có tiền nên bà Đặng Thị T cho bà vay 20.000.000 đồng để đóng phí bảo hiểm. Biết bà không có lương hưu nên bà Đặng Thị T yêu cầu chồng bà là ông Phan Tiến D đứng tên trên giấy vay tiền. Vì vậy, bà đã gọi ông Phan Tiến D đến văn phòng

của bà Đặng Thị T tại đường Bà Triệu, thành phố Lạng Sơn để viết giấy vay 20.000.000 đồng.

Sau khi ký hợp đồng bảo hiểm, hàng tháng bà nộp 1.000.000 đồng tiền phí bảo hiểm cho bà Đặng Thị T và trả bà Đặng Thị T 4.800.000 đồng/tháng tiền lãi đối với khoản vay 20.000.000 đồng, tương ứng với 8.000 đồng/triệu/ngày. Sau khi vay tiền được 05 tháng, bà đã trả đủ cho bà Đặng Thị T 20.000.000 đồng nợ gốc và 04 tháng tiền lãi, bà xin không trả tiền lãi của tháng thứ 05 nhưng bà Đặng Thị T không đồng ý. Do vậy, tính đến nay bà chỉ còn nợ bà Đặng Thị T 4.800.000 đồng tiền lãi, ngoài ra bà không vay bà Đặng Thị T khoản tiền nào khác.

Ông Phan Tiến D và bà Lý Thị Q đều thừa nhận chữ viết và chữ ký tại Giấy vay tiền đề ngày 07-9-2018 mà bà Đặng Thị T nộp cho Tòa án là chữ viết và chữ ký của ông Phan Tiến D, góc bên trái của Giấy vay tiền nói trên là chữ viết và chữ ký của bà Lý Thị Q nhưng Giấy vay tiền mà bà Đặng Thị T cung cấp cho Tòa án không đúng Giấy vay tiền mà vợ chồng ông bà đã ký vì: Ông Phan Tiến D chỉ được 01 lần viết và ký giấy vay bà Đặng Thị T 20.000.000 đồng trên giấy có màu vàng, khổ giấy nhỏ hơn giấy vay tiền mà bà Đặng Thị T đã nộp cho Tòa án; giấy vay tiền mà bà Đặng Thị T nộp cho Tòa án đã bị sửa chữa số tiền vay từ 20.000.000 đồng thành 23.450.000 đồng, còn ai sửa thì ông bà không biết. Phía sau giấy vay tiền, đoạn từ 30-6-2019 đến hết trang là chữ viết và chữ ký của ông Phan Tiến D có ghi nội dung chốt số tiền nợ còn bà Đặng Thị T là 40.950.000 đồng đúng là chữ viết và chữ ký của ông Phan Tiến D, nhưng ông bà không biết vì sao lại có nội dung này.

Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, ông Phan Tiến D và bà Lý Thị Q có yêu cầu giám định, Tòa án cấp sơ thẩm đã tổng đạt Thông báo nộp tiền chi phí giám định và nộp mẫu so sánh nhưng ông Phan Tiến D và bà Lý Thị Q không thực hiện nghĩa vụ; tại phiên tòa sơ thẩm, ông Phan Tiến D và bà Lý Thị Q không yêu cầu thực hiện giám định.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 26/2022/DS-ST ngày 12-9-2022 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn; căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 244, 271, 273, 278, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ các Điều 463, 465, 466, khoản 2 Điều 468 và Điều 357 của Bộ luật dân sự; quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị T. Buộc ông Phan Tiến D trả bà Đặng Thị T 40.950.000 đồng nợ gốc. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của bà Đặng Thị T về việc yêu cầu ông Phan Tiến D trả tiền lãi đối với số tiền nợ gốc nêu trên.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về lãi chậm trả, tiền án phí, quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án dân sự của đương sự.

Trong thời hạn luật định, bị đơn ông Phan Tiến D có đơn kháng cáo đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 26/2022/DS-ST ngày 12-9-2022 của Tòa án nhân

dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn với nội dung: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị T.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Phan Tiến D trình bày: Ông được bà Lý Thị Q đưa đến gặp bà Đặng Thị T để viết và ký giấy vay 20.000.000 đồng, giấy vay tiền đó có cả chữ ký của vợ ông là bà Lý Thị Q và đó là lần duy nhất ông viết và ký giấy vay tiền bà Đặng Thị T; thời điểm vay tiền vào năm 2015; giấy vay tiền được lập 01 bản do bà Đặng Thị T giữ. Việc giao nhận tiền, sử dụng tiền vay và thanh toán nợ giữa bà Lý Thị Q với bà Đặng Thị T như thế nào thì ông không biết, ông được 02 lần đưa bà Lý Thị Q đến trả tiền cho bà Đặng Thị T nhưng số tiền trả cụ thể thì ông không nhớ. Nội dung chốt nợ viết sau giấy vay tiền mà bà Đặng Thị T cung cấp đoạn từ 30-6-2019 đến hết trang là chữ viết và chữ ký nhưng ông không biết vì sao lại có nội dung này vì thời kỳ đó ông bị ốm đi viện. Quá trình giải quyết vụ án, bà Lý Thị Q khẳng định đã thanh toán hết nợ cho bà Đặng Thị T nhưng khi trả nợ lại không viết giấy hay ký sổ nên không có căn cứ để chứng minh. Do ông không được nhận và sử dụng tiền vay nhưng được ký Giấy vay tiền, ký giấy chốt nợ nên nay ông đồng ý trả bà Đặng Thị T tổng số 30.000.000 đồng để hai bên chấm dứt vụ kiện.

Bà Đặng Thị T trình bày: Bà Lý Thị Q hỏi vay bà tiền để bổ sung vốn buôn bán nhưng do bà Lý Thị Q không có lương hưu nên bà không đồng ý cho vay vì sợ không có khả năng thu hồi nợ. Ngày 07-9-2018, bà Lý Thị Q đưa chồng là ông Phan Tiến D đến nhà bà, do biết ông Phan Tiến D có lương hưu nên bà đồng ý cho ông Phan Tiến D vay 23.450.000 đồng. Bà không tham gia bán Bảo hiểm và không liên quan gì đến việc bà Lý Thị Q tham gia Hợp đồng bảo hiểm. Bà Lý Thị Q cho rằng hằng tháng trả lãi và đã trả hết nợ là không đúng, sau 02 lần trả được tổng cộng 6.500.000 đồng vào ngày 22-11-2018 và ngày 16-12-2018, bà tiếp tục cho bà Lý Thị Q vay tiền nhưng không ghi chép cụ thể; đến ngày 30-6-2019 ông Phan Tiến D đã viết giấy chốt số tiền còn nợ bà là 40.950.000 đồng; từ đó đến nay vợ chồng ông Phan Tiến D chưa trả tiền cho bà. Tại phiên tòa sơ thẩm, bà không yêu cầu trả lãi chỉ yêu cầu ông Phan Tiến D trả 40.950.000 đồng nợ gốc, nay bà yêu cầu ông Phan Tiến D trả bà tổng số tiền là 30.000.000 đồng để chấm dứt tranh chấp.

Bà Lý Thị Q trình bày: Năm 2015, bà được đưa ông Phan Tiến D đến gặp bà Đặng Thị T tại số \*\* đường B, phường V, thành phố L để viết và ký giấy vay 20.000.000 đồng, ngoài lần vay đó bà không vay tiền bà Đặng Thị T lần nào nữa; sau 05 tháng, bà đã trả bà Đặng Thị T đủ 20.000.000 đồng nợ gốc, chỉ nợ lại 4.800.000 đồng tiền lãi; do khi trả tiền bà yêu cầu bà Đặng Thị T ký giấy nhưng bà Đặng Thị T không ký nên bà không có tài liệu chứng cứ chứng minh việc thanh toán nợ. Bà không đồng ý với kết quả xét xử sơ thẩm và có đơn kháng cáo; bà đã nhận được Thông báo nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nhưng do có công việc riêng nên bà không đến nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm mà đề nghị Tòa án cho số tài khoản để chuyển tiền nhưng không được chấp

nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị T.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử tôn trọng quyền tự định đoạt của nguyên đơn, sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 26/2022/DS-ST ngày 12-9-2022 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn, buộc ông Phan Tiến D trả bà Đặng Thị T 30.000.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật tố tụng và giải quyết vụ án cụ thể như sau:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; người tham gia tố tụng đã được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung kháng cáo: Quá trình giải quyết vụ án, ông Phan Tiến D và bà Lý Thị Q đều trình bày chỉ vay tiền bà Đặng Thị T 01 lần với số tiền là 20.000.000 đồng và bà Lý Thị Q đã thanh toán đủ 20.000.000 đồng nợ gốc cho bà Đặng Thị T nhưng ông Phan Tiến D và bà Lý Thị Q không có căn cứ chứng minh nội dung này. Mặt khác, ông Phan Tiến D và bà Lý Thị Q thừa nhận chữ viết và chữ ký trong giấy vay tiền đề ngày 07-9-2018 và nội dung chốt nợ vào ngày 30-6-2019 là chữ viết và chữ ký của ông Phan Tiến D. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào đó để buộc ông Phan Tiến D trả bà Đặng Thị T 40.950.000 đồng là có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Phan Tiến D chỉ đồng ý trả bà Đặng Thị T 30.000.000 đồng và bà Đặng Thị T đồng ý với ý kiến của ông Phan Tiến D. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 26/2022/DS-ST ngày 12-9-2022 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn, ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn và bị đơn về việc ông Phan Tiến D có trách nhiệm trả bà Đặng Thị T 30.000.000 đồng; đề nghị miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm, tiền án phí phúc thẩm cho ông Phan Tiến D theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH.14.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Ông Phan Tiến D và bà Lý Thị Q đều có mặt tại phiên tòa sơ thẩm ngày 12-9-2022. Ngày 14-9-2022 ông Phan Tiến D và bà Lý Thị Q cùng ký đơn (chung một đơn) kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm. Ngày 22-9-2022, Tòa án cấp sơ thẩm đã lập biên bản với bà Lý Thị Q để giải thích về quyền kháng cáo, phạm vi kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và tổng đạt Thông báo nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm cho bà Lý Thị Q nhưng bà Lý Thị Q không thực hiện nghĩa vụ nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm mà không có lý do chính đáng nên được coi là từ bỏ quyền kháng cáo; vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã ra Thông báo trả lại đơn kháng cáo cho bà Lý Thị Q theo quy định tại điểm c khoản 4 Điều 274 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Đối với ông Phan Tiến D, sau khi nhận được Thông báo nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm, ông

Phan Tiến D có đơn đề nghị miễn nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm và đã được Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận. Vì vậy, vụ án được thụ lý phúc thẩm theo yêu cầu kháng cáo của ông Phan Tiến D.

[2] Ngày 13-4-2022, bà Đặng Thị T có văn bản ủy quyền cho ông Mạc Văn H đại diện cho bà có toàn quyền tham gia tố tụng giải quyết vụ án tại Tòa án nhân dân các cấp; theo đơn mời của bà Đặng Thị T, ngày 01-8-2022 Công ty Luật TNHH MTV G đã cử Luật sư Chu Văn T tham gia tố tụng để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Đặng Thị T tại Tòa án nhân dân các cấp. Xét thấy, thủ tục ủy quyền, thủ tục cử Luật sư và đăng ký người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự được thực hiện theo quy định của pháp luật; những người tiến hành tố tụng không có quan hệ thân thích với ông Mạc Văn H và ông Chu Văn T. Vì vậy, việc bà Lý Thị Q không đồng ý về sự tham gia tố tụng của ông Mạc Văn H và ông Chu Văn T là không phù hợp pháp luật nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Theo Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: Đương sự có nghĩa vụ cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp; đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh sự phản đối đó; đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án căn cứ vào các chứng cứ đã thu thập được để giải quyết vụ án.

[4] Xét nội dung kháng cáo của ông Phan Tiến D, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[5] Nội dung Giấy vay tiền đề ngày 07-9-2018 thể hiện việc ông Phan Tiến D vay bà Đặng Thị T 23.450.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm, ông Phan Tiến D và bà Lý Thị Q đều thừa nhận chữ viết và chữ ký tại trang 1 của Giấy vay tiền nói trên là chữ của ông Phan Tiến D; riêng nội dung bên góc trái của Giấy vay tiền *“tôi là vợ anh Phan Tiến D Lý Thị Q thống nhất ý kiến của chồng”* và chữ ký cùng họ tên *“Lý Thị Q”* là chữ viết, chữ ký của bà Lý Thị Q. Mặt khác, số tiền vay được viết cả bằng chữ số và chữ viết; nhìn bằng mắt thường thấy có nét sửa tại chữ viết **“là”** và chữ viết **“hai”** còn số tiền vay viết bằng chữ số và những nội dung khác của Giấy vay tiền nói trên không có dấu hiệu sửa chữa. Vì vậy, không có căn cứ xác định có việc sửa số tiền vay từ 20.000.000 đồng thành 23.450.000 đồng.

[6] Tại trang 2 của Giấy vay tiền nói trên có nội dung *“Ngày 30-6-2019, tôi Phan Tiến D còn nợ cô Thảo tổng là: 40.950.đ Bốn mươi triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng”*; có chữ ký cùng họ tên ông Phan Tiến D. Quá trình giải quyết vụ án ông Phan Tiến D, bà Lý Thị Q đều thừa nhận chữ viết, chữ ký thể hiện tại nội dung chốt nợ ngày 30-6-2019 nêu trên là chữ viết, chữ ký của ông Phan Tiến D.

[7] Quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, ngoài lời trình bày của mình, ông Phan Tiến D và bà Lý Thị Q không

cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh Giấy vay tiền đề ngày 07-9-2018 mà bà Đặng Thị T cung cấp tại Tòa án không phải Giấy vay tiền mà vợ chồng ông Phan Tiến D đã ký nhưng lại thừa nhận chữ viết và chữ ký tại Giấy vay tiền đó là chữ viết và chữ ký của ông Phan Tiến D và bà Lý Thị Q; đồng thời thừa nhận chữ viết, chữ ký của ông Phan Tiến D đối với nội dung chót nợ vào ngày 30-6-2019. Vì vậy, địa điểm viết Giấy vay tiền và địa điểm viết nội dung chót nợ không làm thay đổi số tiền vay và số tiền chót nợ.

[8] Do ông Phan Tiến D và bà Lý Thị Q không cung cấp được mẫu so và không nộp chi phí tố tụng để thực hiện giám định nên việc giám định không thể thực hiện được. Mặt khác, như nội dung đã phân tích tại các mục [5], [6], [7]; Hội đồng xét xử xét thấy kết quả giám định không phải là chứng cứ duy nhất để giải quyết vụ án.

[9] Ông Phan Tiến D và bà Lý Thị Q cho rằng chỉ được 01 lần ký giấy vay bà Đặng Thị T 20.000.000 đồng vào tháng 7 năm 2015 chứ không phải vay tiền vào ngày 07-9-2018; bà Lý Thị Q khẳng định mỗi tháng trả bà Đặng Thị T 4.800.000 đồng tiền lãi, đến tháng 11-2015, bà Lý Thị Q đã trả bà Đặng Thị T 20.000.000 đồng và hiện nay chỉ còn nợ 4.800.000 đồng tiền lãi. Nhưng ngoài lời trình bày của mình, ông Phan Tiến D và bà Lý Thị Q không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ nội dung chót nợ đề ngày 30-6-2019, buộc ông Phan Tiến D có trách nhiệm trả bà Đặng Thị T 40.950.000 đồng là có căn cứ.

[10] Sau khi xét xử sơ thẩm, ông Phan Tiến D và bà Lý Thị Q không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh việc đã thanh toán tiền cho bà Đặng Thị T. Đối với Hợp đồng bảo hiểm được ký giữa bà Lý Thị Q với Công ty Bảo hiểm nhân thọ Sun life Việt Nam và phiếu thu tiền phí bảo hiểm mà bà Lý Thị Q cung cấp không thể hiện sự liên quan của bà Đặng Thị T và mối quan hệ vay tài sản giữa các đương sự trong vụ án này. Vì vậy, không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của ông Phan Tiến D về việc bác yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị T.

[11] Tại phần tranh luận, bà Đặng Thị T yêu cầu ông Phan Tiến D trả bà Đặng Thị T tổng số tiền là 30.000.000 đồng và ông Phan Tiến D đồng ý với yêu cầu mà bà Đặng Thị T đưa ra. Hội đồng xét xử thấy rằng, đây là ý trí tự nguyện của nguyên đơn và việc ông Phan Tiến D đồng ý trả bà Đặng Thị T 30.000.000 đồng là không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các bên. Vì vậy, cần sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 26/2022/DS-ST ngày 12-9-2022 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn; xác định lại số tiền mà ông Phan Tiến D phải thanh toán cho bà Đặng Thị T. Do bà Lý Thị Q không đồng ý với ý kiến của ông Phan Tiến D nên Hội đồng xét xử không công nhận sự tự thỏa thuận của các đương sự theo quy định tại Điều 300 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[12] Xét ý kiến đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, ý kiến đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát, ý kiến đề nghị nào có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử thì được chấp nhận; ý kiến,

đề nghị nào không có căn cứ, không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử thì không được chấp nhận.

[13] Do Bản án sơ thẩm tuyên nghĩa vụ chậm trả chưa đúng với hướng dẫn tại Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP nên cần phải sửa lại nội dung này cho phù hợp.

[14] Về án phí: Do sửa Bản án sơ thẩm, xác định lại số tiền mà ông Phan Tiến D có nghĩa vụ thanh toán, nên ông Phan Tiến D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch và án phí dân sự phúc thẩm; nhưng do ông Phan Tiến D là người cao tuổi và có đề nghị xin miễn án phí nên Hội đồng xét xử miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch và án phí dân sự phúc thẩm cho ông Phan Tiến D theo quy định tại điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án.

[15] Các Quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị, có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 5, khoản 3 Điều 26, Điều 244, khoản 2 Điều 308, khoản 1 Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 463, 465, 466, 357, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 1, 5 Điều 29; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Phan Tiến D;

Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 26/2022/DS-ST ngày 12-9-2022 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn; cụ thể:

1. Ông Phan Tiến D có nghĩa vụ trả bà Đặng Thị T 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng nợ gốc.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí: Miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch và tiền án phí dân sự phúc thẩm cho ông Phan Tiến D.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TANDCC tại Hà Nội;
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- TAND thành phố Lạng Sơn, T.Lạng Sơn;
- CCTHADS thành phố Lạng Sơn, T.Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Tổ HCTP, Phòng KTNV&THA;
- Lưu: Hồ sơ, TDS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Minh Thùy**

